

Bản án số: 92/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 08-02-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 873/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ P, sinh năm: 1974; hộ khẩu thường trú: 46/46 đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 446/8 đường G, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm: 1964; hộ khẩu thường trú: 46/46 đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 120 đường S, Phường A, Quận F, TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Đặng Thị Mỹ P trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 không tổ chức đám cưới và không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Mặc dù bà đã nhiều lần đề nghị ông X và chính quyền địa phương cũng đã động viên ông X đi đăng ký kết hôn nhưng ông X không đồng ý. Từ khi về chung sống với nhau thì vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng từ năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ

chồng bà thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, luôn xảy ra cãi vã lẫn nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ năm 2011 đến nay thì bà và ông X đã sống ly thân với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông X nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông X có với nhau 05 người con chung tên là: Nguyễn Thanh P1, sinh năm: 1992; Nguyễn Thanh P2, sinh năm: 1996; Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1998; Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai trẻ Đặng Thanh H và Đặng Thanh Hậu U. Bà không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày: Ông và bà P chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng ông sống hạnh phúc nhưng từ năm 2011 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà P đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có với nhau 05 người con chung tên là: Nguyễn Thanh P1, sinh năm: 1992; Nguyễn Thanh P2, sinh năm: 1996; Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1998; Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000. Ông đồng ý giao hai trẻ Đặng Thanh H và Đặng Thanh Hậu U cho bà P nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau từ năm 1991, có con chung và có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà P và ông X lại không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà P và ông X là vợ chồng. Về con chung: giao hai trẻ Đặng Thanh H và Đặng Thanh Hậu U cho bà P nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đặng Thị Mỹ P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh X nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ vợ chồng:

Bà Đặng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau từ năm 1991, có con chung và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên bà P và ông X lại không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 quy định “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam quy định “ Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...”

Nay bà Đặng Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh X đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử không công nhận bà Đặng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh X là vợ chồng

[3] Về con chung: Ông X và bà P xác nhận trong thời gian sống chung ông bà có với nhau 05 người con chung tên là: Nguyễn Thanh P1, sinh năm: 1992 (đã trưởng thành); Nguyễn Thanh P2, sinh năm: 1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1998 (đã trưởng thành); Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000. Bà Phương yêu cầu được nuôi dưỡng hai trẻ Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000. Ông X cũng đồng ý giao trẻ Đặng Thanh H và trẻ Đặng Thanh Hậu U cho bà P nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000 cho bà P nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đặng Thị Mỹ P nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 14, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Đặng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh X là vợ chồng

2. Về con chung: Giao trẻ Đặng Thanh H, sinh ngày 22/4/2000 và Đặng Thanh Hậu U, sinh ngày: 22/4/2000 cho bà Đặng Thị Mỹ P nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Mỹ P có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Thanh X đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên không đề cập giải quyết

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đặng Thị Mỹ P nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028525 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn